

The Forgotten Generation

CHƯƠNG BẢY

Houston, Texas

Ngay sau lễ nghỉ mừng năm mới (New Year) năm 1978, một người bà con phía bên nội là anh Trưởng, đã thuyết phục được ba tôi về Houston, nơi có nhiều triển vọng lập nghiệp cho tương lai.

Anh Trưởng là người có lắm tài lạ, đáng kể nhất là tài mua đi bán lại. Vợ chồng anh và bảy đứa con cư ngụ ở Pasadena, Texas. Anh làm việc trong một công ty sản xuất hóa chất, nhưng lại quen biết rộng rãi với đồng đảo người Việt ở Houston. Khi biết tin gia đình tôi hiện vẫn sống ở Charleston, anh gọi điện thoại cho chúng tôi và hứa sẽ tìm được một việc làm cho ba tôi ở Houston. Thoạt đầu thì ba tôi rất ngại. Ông không muốn phụ lòng giáo dân của xứ đạo St. John, cha sở Tabone, Di Carol cùng những dì phước khác. Ông càng ái ngại hơn nữa khi nghĩ đến Đức Cha Ernest và những người tốt bụng đã tận tình nâng đỡ chúng tôi trong những ngày đầu còn chân ướt chân ráo trên đất Mỹ. Mặt khác, ông cũng lo lắng vì phải bắt con cái đi tìm đất mới trong khi chúng tôi chỉ mới lấy nơi này làm quê hương được có vài năm. Lo hơn nữa là giá cả thường vẫn luôn đắt đỏ trong sinh hoạt cuộc sống hằng ngày ở một thành phố lớn cỡ Houston.

Má tôi nêu ngay một yếu tố quan trọng rằng, căn nhà chúng tôi đang ở chẳng phải là nhà của mình, mình chả bị ràng buộc gì với chuyện nợ nần trả góp. Nếu chúng tôi ra đi thì may ra cuộc sống tương lai ở thành phố lớn sẽ có cơ khảm khá với nhiều môi trường học tập tốt và nhiều cơ hội tiến thân hơn. Do đó, cả má tôi lẫn anh Trưởng đã thuyết phục được ba tôi dọn về Houston một cách không mấy khó khăn.

Houston là thành phố lớn hàng thứ tư ở Hoa Kỳ. Khí hậu quanh năm ở đây lúc nào cũng oi bức và hầm hơi ẩm, như thời tiết ở Sài Gòn vậy. Người Việt tị nạn ư tu tập sinh sống ở đây lắm. Đối với đa số dân Việt ta, Houston là điểm dừng chân thứ hai sau ngày đặt chân đến Hoa Kỳ. Ngoài khí hậu thích hợp ra, lối sống trà trộn của dân tứ xứ ở thành phố này đã khiến người Việt cảm thấy thích ứng mau lẹ hơn với cuộc sống ở đây. Giá cả của những nhu cầu căn bản như thực phẩm, nhà cửa và nhiên liệu thì không mắc, nếu so sánh với cả nước. Hệ thống

giáo dục lại tương đối tốt đối so với một thành phố lớn ở Mỹ, và vấn đề kiếm công ăn việc làm thì cũng khá dễ dàng.

Năm 1978, có ít nhất là năm mươi ngàn người Việt sinh sống ở Houston. Phần lớn, họ làm việc trong ngành khai thác dầu hỏa tập trung về phía đông của thành phố. Các hãng lọc dầu mướn khá nhiều nhân công Việt Nam. Những người Việt còn lại thì sống rải rác khắp thành phố với nghề buôn bán hoặc cung cấp dịch vụ. Người Việt đã mở nhiều thương vụ như nhà hàng, tiệm may, mỹ viện, quán nhạc, văn phòng bác sĩ và nha sĩ, văn phòng luật sư và đủ loại các hàng quán bán lẻ khác nằm đầy ở gần khu dọc theo downtown của thành phố Houston, đến nỗi người bản xứ đã đặt tên cho khu phố ấy là “Little Saigon” (Tiểu Sài gòn).

Anh Trưởng bảo ba tôi lái xe về Houston đặng anh giới thiệu ông với ông Ali, viên quản lý khu vực của công ty Southland Corporation, vốn đang tuyển mộ nhân viên để điều hành các cửa tiệm 7- Eleven do ông làm chủ. Vừa gặp xong, ông mướn ngay ba tôi vào đứng quầy tính tiền cho một cửa tiệm của ông. Lúc ấy, ba tôi vẫn ở tạm trong căn apartment của anh Trưởng ở Pasadena, Texas. Về sau, Ali khám phá ra ba tôi từng là một sĩ quan quân đội và dư sức quản lý những việc lớn hơn, nên ông gọi ba tôi đi học thêm về quản lý cửa hiệu. Quả không có gì làm ba tôi mãn nguyện hơn.

Học xong, Ali giao hẳn một cửa tiệm 7-Eleven của ông cho ba tôi trông coi. Ai còn lạ gì chuyện một viên quản lý mới ra nghề thường được giao phó một nhiệm sở tệ hại nhất để thử tài của y? Thế nên, Ali giao cho ba tôi trông coi một cửa tiệm nằm ngay giữa một xóm đầu gấu. Ba tôi chì lằm, nhưng phải làm việc đầu tắt mặt tối để canh cho tiệm không bị cướp, lại phải trông chừng hàng hoá và tiền bạc để không bị cả khách hàng lẫn nhân viên lấy trộm.

Ba tôi phải gọi anh Hùng cầu cứu. Anh liền quảy khăn gói và leo lên chiếc Oldsmobile đi ngay một mạch. Ba tôi mướn một cái apartment nhỏ có một phòng ngủ ở cạnh cửa tiệm để hai cha con có thể thay phiên nhau đi về và trông coi hàng quán.

Cả hai miệt mài làm việc như thế 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần suốt mấy tháng liền. Làm việc nhiều giờ tuy dài đằng đẵng, nhưng lại kiếm được bộn tiền. Sướng một điều là, ba tôi không sẽ còn phải làm ngoài trời giữa những bãi rác hôi thối nữa.

Anh Hưng năm ấy mới vừa chập chững bước vào ngưỡng cửa của trường Cao Đẳng Charleston. Anh vẫn làm việc ở tiệm Piggly-Wiggly và vừa đi học. Lúc ấy anh đang nghỉ hè, cho nên má tôi hỏi anh đi gấp xuống Houston để phụ việc cho ba tôi. Anh liền xin nghỉ việc, chia tay các bạn học cũ và đóng gói hành trang rồi leo ngay lên chiếc Ford Capri của anh, đi liền một lèo về Houston. Ở đó, anh lăn ngay vào công việc ở tiệm 7-Eleven với ba tôi và anh Hùng trong mấy tháng liền.

Cũng như các cửa hiệu bán lẻ khác, khách hàng do những cửa hiệu tiện ích 7-Eleven phục vụ thường là những dân cư ở những khu phố lân cận. Tiệm chuyên bán những thức thông dụng như cà-phê, bia, nước ngọt, thuốc lá, bánh kẹo, đồ gia dụng linh tinh và đôi khi cũng có tiệm bán hàng đi kèm với trạm xăng. Các tiệm này mọc rải rác khắp các địa điểm trong thành phố. Những địa điểm này thì tốt có, xấu cũng có; nhưng tất cả thường được giao quyền quản lý cho những người có trình độ thấp, những ngoại kiều không nói thạo tiếng Anh, hoặc cho những gia đình thuộc giới hạ lưu bình dân điều hành. Việc trông coi cửa tiệm cũng chẳng có gì khó khăn, bao gồm việc đứng quầy tính tiền, đặt mua hàng hóa, chất hàng vào các giá kệ hoặc tủ lạnh để bày bán và giữ cho cửa tiệm lúc nào cũng sạch sẽ, ngăn nắp.

Thường thì phiên làm việc trong tiệm phải chia làm 3 ca: ca sớm bắt đầu từ 7 giờ (như phần đầu cái tên của tiệm) cho đến 3 giờ chiều; ca thứ nhì bắt đầu làm từ 3 giờ cho đến 11 giờ khuya (như phần sau tên tiệm); và ca đêm bắt đầu từ 11 giờ khuya cho đến 7 giờ sáng hôm sau. Chẳng ai lấy làm lạ khi thấy cửa tiệm nào nằm trong những phố ổ chuột thường bị cướp nhiều hơn là những tiệm tọa lạc ở những chỗ đàng hoàng. Nhưng rất cuộc, dù tiệm có nằm ở đâu đi nữa thì cũng có khi bị cướp đến viếng, không lúc này thì cũng lúc khác. Những cửa tiệm lọt vào

những xóm nghèo thường bị mất trộm hàng hóa hơn những tiệm nằm trong khu nhà giàu. Nói chung, những cửa tiệm tiện ích này rất thích hợp cho những gia đình Việt Nam chịu làm ăn cần cù như gia đình chúng tôi, vốn là những người tuy biết tiếng Anh rất hạn chế, nhưng lại không quản ngại làm việc trong nhiều giờ liền.

Ba tôi và hai ông anh sống trong cái apartment một phòng ngủ ở cạnh đó và miệt mài ngày đêm với công việc ở cửa tiệm. Ba tôi làm việc ca sớm nhất. Đến khi anh Hưng ra thay thế, ông nán lại để làm sổ sách, bỏ thêm hàng vào tủ lạnh để bày bán và phụ coi cửa tiệm. Khi ông về nghỉ thì đến phiên anh Hùng ra thế. Cả hai anh em làm chung với nhau cho đến lúc trời tối hẳn, trước khi anh Hưng ra về để đánh thức ba tôi dậy đi làm. Hằng ngày, phiên làm tuần tự nhau như thế cứ lập đi lập lại chỉ với mục đích là lúc nào tiệm cũng có hai người túc trực đứng bán.

Một ngày nọ, khi anh Hưng vừa ra về và ba tôi vẫn chưa kịp đến, một gã lạ bước vào tiệm và đòi mua bia, dù đã khuya và đã quá giờ qui định. Anh tôi từ chối không bán khiến y la lối om sòm bằng những từ ngữ sặc mùi kỳ thị và phá phách cả những đồ đạc trong tiệm. Đến khi bị anh Hùng đuổi thì hắn vung văng bỏ đi, miệng vẫn chửi bới đông đông.

Một chốc sau, hắn quay lại, đi thẳng đến chỗ anh Hùng đang đứng và chia một khẩu súng vào mặt anh, bắt anh phải đưa bia và giao cho hắn tất cả tiền bạc còn nằm trong máy. Anh Hùng thân nhiên bỏ hết tiền vào túi vải và giao cho tên ăn cướp. Hắn vồ lấy túi tiền, quơ hai lố 6 lon bia, và linh đi nhanh chóng. Anh Hùng liền gọi cảnh sát để tường thuật vụ cướp. Khi ba tôi đến thì đã thấy đèn xe cảnh sát chớp đầy quanh tiệm, làm ông tưởng có chuyện gì đã xảy ra cho anh Hùng. Kể từ đó, lúc nào ông cũng giấu một khẩu súng ngắn trong tiệm và không bao giờ đi trễ nữa. Ông cũng không hề kể việc này lại với má tôi.

Thấy cửa tiệm do ba tôi quản lý ngày thêm phát đạt, Ali quyết định tăng lương và giao cho ông một cửa tiệm lớn hơn trong một khu xóm đàng hoàng hơn trước. Tiệm mới này có đông

người vắng lai hơn nên cả ba cha con phải làm việc vô cùng cật lực. Ba tôi đành phải kêu thêm “quân” về cứu viện.

Chị Lêvi bây giờ đang theo học lớp hè ở trường North Charleston và vẫn làm việc thêm ban đêm cho một nhà hàng Tàu ở mãi cuối phố. Má tôi vừa mới mua cho chị một chiếc Toyota hãng còn mới toanh với giá 2, 000 đô, trả bằng tiền mặt, vì anh Hưng lúc ấy đã lái chiếc Ford Capri đi luôn về Houston. Phần tôi thì đã có việc làm full-time ở tiệm Piggly-Wiggly và cắt dọn vườn tược cho nhà thờ St. John vào những ngày cuối tuần. Má tôi đã bảo cho mọi người biết ý định dọn nhà về Houston của bà. Cho nên ai nấy đều đã lục đục nhặt nhanh đồ đạc riêng tư, đồng thời chuẩn bị thu xếp đồ đoàn cho mấy đứa em út đợi chờ ngày lên đường.

Viễn ảnh dọn nhà về sống ở Houston làm anh em chúng tôi háo hức, nhưng cũng e ngại về nơi chốn mình chưa mấy may biết tí gì này. Tôi có hỏi chuyện với cha Tabone và cha tân chánh xứ Leigh Lehocky về chuyện ra đi sắp tới. Cả hai lộ vẻ buồn khi thấy phải xa lìa chúng tôi, nhưng luôn tin rằng ba má tôi đã quyết định đúng cho tương lai của đàn con. Dì Carol và Dì Sharon ở bên trường St. John cũng rầu rĩ không kém, nhưng thông cảm cho ước vọng tiến thân của gia đình tôi và mong thấy chúng tôi sẽ thoả nguyện khi được sống với một cộng đồng có nhiều người Việt hơn ở đây.

Chị Lêvi và tôi rời Charleston trong một sáng chủ nhật đầy sương mù, trong khi má tôi và những đứa em còn lại vẫn đứng trước hiên nhà vẫy tay chào tạm biệt.

Chị Lêvi và tôi nói với nhau đủ thứ chuyện trên đời trong suốt 24 giờ đồng hồ lái xe về Houston. Chị và tôi rất giống nhau trên nhiều phương diện. Cả hai chị em tôi đều thích tự lập và bướng bỉnh ngay từ lúc chúng tôi còn bé ở Việt Nam. Chị là con lớn nhất nhà, cho nên trong khi má tôi lo khuếch trương chuyện buôn bán, chị phải thay má tôi trông coi cả đàn em dại. Dần dà, chị trở nên lạnh lợi và khôn ngoan trước tuổi rất nhiều.

Một ngày nọ năm xưa, Chị Lêvi có viết một lá thư cho má tôi để than van rằng chị cảm thấy ngột ngạt vì bị bà kềm kẹp chặt chẽ quá, nhưng lại không được bà nâng đỡ đúng mức. Năm ấy chị đã được tròn 18 tuổi và đã bước vào đại học. Trong thư, chị cho rằng má tôi còn áp bức hơn cả Việt cộng. Chị chỉ xin má tôi hãy cư xử nhu mì và dịu dàng hơn, như Dì Bảy em của bà vậy.

Chao ơi! Ăn nói kiêu này vẫn là điều có thể chấp nhận được theo phong tục của người Mỹ, vốn luôn thẳng thắn, cởi mở và thành thật về những chuyện đại loại như thế. Nhưng trong xã hội Việt Nam chúng ta, những hành vi thẳng thắn và tiến bộ, theo kiểu lá thư chị Lêvi đã viết, là mất dạy và không thể dung túng được. Má tôi rất tức tối với chị và quan hệ giữa hai người đã không bao giờ bình thường trở lại như trước. Dù chẳng bao giờ ân hận vì đã viết lá thư ấy, nay chị lại thấy xót xa cho má tôi sau những truân chuyên của đời tị nạn mà cả gia đình cùng trải qua. Sự chứng kiến cảnh lên voi xuống chó trong một sớm một chiều của má tôi đã làm chị Lêvi thấu hiểu hơn và biết đề cao lối sống của một gia đình Việt Nam.

Má tôi xưa từng một thời là một người làm ăn buôn bán sắc sảo, linh động và thành công. Nay bà bỗng xuống cấp thành một người đàn bà kém cỏi, không biết nói tiếng Anh, một loại người lỡ thời phải gắng hết sức chỉ để tập tành sống theo phong tục mới. Chị còn nhớ má tôi đã có nhiều quyền thế ra sao khi ngay cả các ông, các bà có máu mặt ở Việt Nam trước đây vẫn phải cầu cạnh bà để bà dùng tiền bạc và sự quen biết của mình hầu giúp họ đạt được nhiều mục đích. Chị còn cho tôi biết về những mưu mẹo má tôi đã sử dụng để mua bán bất động sản trên toàn cõi đất nước, với mục đích tích lũy thật nhiều tiền của để truyền lại cho chúng tôi. Má tôi luôn mơ những điều thật to tát cho con cái bà.

Là một người mẹ Việt Nam điển hình, má tôi luôn mong muốn trong các con của bà, ít nhất phải có một đứa làm bác sĩ và một đứa làm linh mục. Bà vẫn kỳ vọng chị Lêvi sẽ trở thành bác sĩ, và anh Hưng hoặc tôi sẽ trở thành linh mục. Bà ước mong tất cả anh em chúng tôi phải ăn học thành tài và được xã hội trọng

vọng. Bà lại muốn có nhiều và thật nhiều cháu chắt, nên hồi còn ở Việt Nam, bà đã làm việc cật lực hầu đạt được những ước nguyện ấy.

Cuộc đời ở nước Mỹ đã làm thay đổi tất cả những dự tính của bà. Bà không còn là một người có đầy quyền thế như trước nữa. Còn đâu những người hầu kẻ hạ, cơm bưng nước rót, dinh thự nguy nga, chẳng còn cảnh lên xe xuống ngựa mà cũng chẳng còn những bạn bè trong giới thượng lưu đâu nữa để mà lui tới. Nói đúng ra, bên cạnh những họ hàng ruột thịt như cậu Năm và Dượng Bảy, bà cũng có một vài người bạn sống rải rác đó đây trong thị trấn Charleston nhỏ bé này. Bà học tiếng Anh không vô. Trừ chữ viết xem ra có vẻ không mấy phức tạp, bà thấy cách phát âm tiếng Anh mới thật là lãng nhách. Hơn nữa, người Mỹ nói năng gì mà nhanh quá, y như lúc nào họ cũng phải chạy đua với thời gian không bằng. Cho nên, ít khi nào thấy bà chịu ra khỏi nhà, hoặc nếu có đi nữa thì cũng chỉ vì phải đi chung với ba tôi và con cái bà.

Má tôi lại thấy khẩu vị bà khó làm quen được với đồ ăn ở xứ này. Cả đời bà, cơm và bún là những món ăn cơ bản cho các bữa ăn, nhưng ở Charleston, gạo bán ở chợ Winn-Dixie và Piggly-Wiggly ăn đã chẳng ra gì mà lại mắc. Tìm khắp Charleston thì chỉ thấy bán đây đây mì sợi pasta kiểu của Ý, nhưng bún Việt Nam thì không biết mua đâu cho ra một cọng.

Hồi còn ở quê nhà, cứ mỗi sáng là có một chị ở xách giỏ ra chợ Nancy (Chợ lộ thiên Nancy) gần đó để mua về toàn đồ tươi: nào thịt, nào tôm cá biển, nào rau cải đủ loại để nấu ăn cho cả nhà. Vì vậy, chúng tôi ít phải dùng đến những cái tủ lạnh to kênh hoặc kho chứa thực phẩm trong nhà. Ngược lại, ở Charleston, chợ nào gần nhất cũng nằm cách đó ít nhất là 5 cây số, và mọi thứ bày bán nếu không là đồ đóng hộp thì cũng là đồ đóng trong bao ny-lông, hoặc bày trên những cái khay bằng mốp có phủ plastic. Trông thì có vẻ tiện lợi đấy, nhưng chả có thứ gì là đồ còn tươi cả. Chưa hết, người Mỹ thường chỉ nêm muối và tiêu vào đồ ăn của họ, trong người Việt thì tùy thứ đồ đang ăn mà dùng đến hàng bao nhiêu thứ tương khác nhau để nêm vào. Má tôi quả thật đã lúng túng khi phải nấu

những bữa ăn thường nhật mà phải dùng đến những công thức nấu nướng lấy về từ siêu thị.

Chị Lêvi và tôi luôn cầu nguyện rằng, với thời gian trôi qua, má tôi sẽ quên đi những hào quang dĩ vãng năm xưa của bà, hầu tìm thấy niềm vui trong cuộc sống hiện tại ở Mỹ.

Rồi chúng tôi bàn đến những ước muốn tương lai của mỗi người. Chị Lêvi luôn mong ước trở thành nha sĩ và có phòng khám nha khoa của riêng mình. Chị cho rằng nếu chị cứ cố gắng liên tục và chăm chỉ học hành, cuối cùng thì chị cũng sẽ học thành nha sĩ và có thể kiếm nhiều tiền để phụ giúp gia đình. Tôi thắc mắc với chị rằng đó phải chăng chính là ước muốn của chị hoặc chẳng qua vì đó là nguyện vọng của má tôi. Chị đáp: cả hai. Rồi chị khẽ nhếch miệng cười, như để tự thuyết phục rằng chị thành tâm tin vào điều mình vừa nói. Tự đáy lòng, tôi biết chị Lêvi có thể thực hiện bất kỳ một điều gì, một khi chị đã quyết ý. Tôi chỉ mong sao vấn đề tài chánh của gia đình sẽ không làm chị nhụt chí.

Chị hỏi về ước vọng của tôi và tôi đáp rằng tôi muốn trở thành một kiến trúc sư. Tôi muốn phát họa và xây cất nhà cửa, dinh thự. Tôi kể với chị rằng tôi luôn thán phục cách làm việc nhậm lẹ và hữu hiệu của người Mỹ khi thấy họ xây cất nhà cửa, đường sá, ngay cả cầu cống. Chiến tranh đã tàn phá quê hương Việt Nam của chúng ta từ năm này qua năm khác. Hệ thống hạ tầng cơ sở của Việt Nam, nếu có đi nữa, thì cũng thô sơ và thiếu bảo trì. Đường sá chẳng những đã đầy dẫy ổ gà lại còn bị mưa lũ sỏi mòn, và cầu cống thì chả an toàn tí nào cho xe cộ lẫn người đi bộ.

Bởi đường sá xấu quá nên việc chuyên chở các thứ vật liệu để xây dựng nhà cửa và cao ốc, cũng như chính việc xây cất những công trình ấy, cũng không thể thực hiện được một cách suông sẻ và hữu hiệu. Tôi chỉ muốn làm cách nào đó để mình cũng có một đóng góp trong việc tái thiết xứ sở Việt Nam. Cho nên, cách tốt nhất là phải trở thành một kiến trúc sư trước đã. Chị Lêvi cười lớn và vỗ lên đầu tôi. Chị bảo tôi có mơ thì mơ vừa vừa thôi chứ, tôi chưa học hết trung học kia mà! Tôi

thấy lòng sung sướng, vì được dịp tâm sự với chị trong chuyến lái xe đi xuyên bang về Houston lần này.

Cả hai chị em tôi chưa ai từng ra khỏi tiểu bang South Carolina bao giờ, nên vô cùng ngỡ ngàng trước một nước Mỹ thật mênh mông. Từ Charleston, South Carolina, chúng tôi phải lái hơn ba giờ đồng hồ mới đến chỗ giáp ranh với tiểu bang Georgia. Tiết trời vừa chớm vào hạ nên không khí đang làn hồi trở nên oi ả. Những hàng cây dọc hai bên xa lộ phủ một màu lá xanh rì. Đi khắp tiểu bang Georgia, đâu cũng thấy những con đường đồi dốc lên xuống và đâu cũng thấy mọc lên những cây sồi vĩ đại. Chúng tôi chạy băng qua thành phố Savannah hiền hòa với những đôn điền vây quanh và những cây sồi cổ thụ. Ở đây, chúng tôi chỉ ghé vào một trạm bên đường để đổ xăng và mua ít nước uống.

Quãng đường từ Savannah đến Jacksonville, Florida, chẳng có gì đáng nói, nhưng có điều Jacksonville là thành phố lớn nhất mà chúng tôi từng thấy ở xứ này. Chúng tôi vào đến thành phố nhằm vào giờ tan sở buổi chiều, cho nên xe cộ bắt đầu bị kẹt. Xe chạy theo xa lộ 95 vào thẳng downtown Jacksonville và chúng tôi bỗng thấy choáng ngợp bởi những gì đang đập vào mắt. Con đường xa lộ 95 chỉ có hai làn đường ở ngoài vòng đai thành phố, nay bỗng mở rộng ra thành sáu hoặc bảy làn, với những con đường băng ngang bên trên và có đủ loại xe hơi, xe trọng tải chạy nối đuôi nhau không ngớt. Hai chị em tôi ngây ngất trước những tòa nhà chọc trời đồ sộ ở downtown đang lờ mờ hiện ra từ phía chân trời. Càng đến gần, chúng tôi càng thấy hiện rõ một con sông bao la đang lượn mình uốn khúc khắp châu thành. Hai bên bờ sông có vô số tàu trọng tải hàng hóa đang cập bến, và các phu bến cảng đang bận rộn dỡ hàng xuống rồi lại chất hàng lên. Họ dùng đến những trục cầu hàng lớn chưa từng thấy. Khu công nghiệp này thật ra lớn hơn một khu tương tự mà chúng tôi từng thấy ở Philippines năm nào, có điều là những trang thiết bị thật tân kỳ ở đây làm cả hai chị em tôi phải trầm trồ khâm phục. Xa xa, những chiếc xà lan và tàu hoa tiêu đang từ từ rẽ sóng trên dòng sông xanh biếc. Cảnh này không khỏi làm tôi liên tưởng đến những ngày cuối cùng trên

sông Sài gòn, chỉ có điều là giờ đây chúng tôi sống an toàn hơn ở một xứ sở thật thanh bình.

Xa lộ xuyên bang (IH) số 10 giáp với xa lộ IH-95 ở downtown Jacksonville. Tôi rẽ xe đi theo hướng IH-10 về miền tây. Tôi bảo chị Lêvi rằng một ngày nào đó, tôi sẽ trở lại thăm thành phố dễ thương này. Suốt quãng đường vừa qua, chiếc Toyota Corolla chạy thật trơn tru. Chiếc xe này chẳng trang bị gì phức tạp, chạy bằng số tay, nhưng đây là chiếc xe đầu tiên tôi đã đi với má tôi để giúp bà mua nó về.

Chẳng qua là một ngày nọ, má tôi xem mục quảng cáo trên tivi. Người rao bán trong tiết mục quảng cáo nói rằng, chúng tôi có thể làm chủ một chiếc Toyota Corolla mới toanh, chỉ với giá là \$2,000. Ngay hôm sau, bà kêu tôi ra ngân hàng với bà và tôi thấy bà rút \$2,000 tiền mặt rồi cẩn thận bỏ vào một bì giấy. Rồi bà đi ngay đến đại lý bán xe hơi. Vì không nói được tiếng Anh, bà nói tôi bảo nhân viên đứng bán xe rằng bà muốn mua chiếc xe với giá \$2,000 mà bà thấy quảng cáo trên tivi. Lão già đứng bán xe bai bai nói rằng trên đời này làm gì có xe nào bán với giá đó? Nhưng má tôi cứ khăng khăng bảo ông ta rằng bà đã thấy quảng cáo nó như thế trên tivi thì nó phải có như thế !

Bà nhất định cho mình là đúng nên rốt cuộc lão đành phải chỉ cho bà một chiếc Corolla còn mới, nhưng trần trụi, chẳng thêm thắt gì ngoài thiết bị căn bản. Má tôi bảo là chính nó. Bà muốn mua chiếc xe ấy. Tuy nhiên, nếu kể cả tiền thuế, chi phí sang nhượng chủ quyền, bằng số, giá tổng cộng phải đến \$2,200. Tuy chỉ có \$2,000 nhưng má tôi vẫn nhất quyết là bà có thể mua về chiếc Corolla mới toanh đúng như người quảng cáo trên tivi đã nói. Tôi phải vừa đóng vai thông dịch viên, vừa là trung gian điều đình. Độ một tiếng đồng hồ sau thì lão bán xe thua lý và đành phải chịu theo ý của má tôi.

Bỏ mặc viên quản lý đang bất bình, má tôi cứ điềm nhiên rút \$2,000 ra và đếm từng tờ cho anh ta thấy. Họ hỏi chúng tôi ra tuốt đằng sau văn phòng, đếm tiền lại và đưa má tôi chùm chìa khóa của chiếc Toyota Corolla mới. Thế rồi chúng tôi ra về

với đúng chiếc xe má tôi muốn mua. Xe lăn bánh ra khỏi bãi, trong lúc bà ngồi một bên cười đắc thắng. Khi hai má con về đến nhà, bà đưa chìa khóa xe cho chị Lêvi và nói bà cho chị chiếc xe ấy. Từ đó về sau, chị Lêvi không còn phải đi xe buýt để đi học hoặc đi làm nữa.

Tôi kể chị Lêvi từ đầu đến cuối câu chuyện mua chiếc Toyota này rồi cả hai chị em cười ngất ngư. Mãi đến hôm nay, tôi vẫn hồ nghi, không biết có phải là hôm ấy má tôi đã vờ vịt không biết nói tiếng Anh và dùng tôi làm bình phong, hoặc là bà đã thật sự không biết nói ?

Trên xe có cả máy radio AM-FM, nhưng chúng tôi không buồn mở ra nghe chỉ vì âm thanh phát ra có lúc được có lúc không trong lúc xe đang chạy bon bon trên đường IH-10. Chúng tôi dừng lại một trạm nghỉ giữa chừng và chị Lêvi để tôi cầm lái thế cho chị. Tôi lái xe đi trong đêm trong lúc chị ngủ gật ở ghế bên cạnh. Xa lộ ban đêm thật yên tĩnh. Chỉ thỉnh thoảng có vài chiếc xe trọng tải 18 bánh chạy qua đánh vù một cái, xa lộ lúc nào cũng vắng vẻ và thình lạng. Xa lộ I-10 chạy xuyên qua toàn vùng bình nguyên Florida, giữa Jacksonville và Tallahassee, nên nhàm chán lắm, nhưng được cái là trí óc tôi lại có dịp rảnh rỗi để nghĩ ngợi mông lung.

Tôi bỗng nhớ đến các bạn bè ở Việt Nam và cuộc sống xô bồ ở Sài Gòn năm nào. Đường sá ở Việt Nam tuy xấu nếu so sánh với Mỹ, nhưng lúc nào cũng huyền ảo với đủ loại xe gắn máy luôn bấm còi inh ỏi, hết xe này lạng để tránh ỏ gà, xe kia chen vào, đến xe nọ rẽ qua đường khác. Những ngã tư đường tuy có đèn xanh đèn đỏ chớp chớp, nhưng chả mấy ai thèm lưu tâm đến chúng . Người ta nhường nhau trong một sự hỗn loạn có giàn xếp.

Một ngày nọ hồi còn ở Việt Nam, anh Hưng và tôi đi bộ băng qua đường Trần Hưng Đạo. Xe cộ lúc ấy đang kẹt lắ, nhưng chúng tôi vẫn nhón chân bước từng chút một xuống lòng đường. Nhón đến giữa đường thì có một chiếc xe lam chở khách đang tiến đến, bác tài xế phải lách chiếc xe qua một bên để tránh anh em tôi. Một thanh niên đang chạy chiếc Honda

bồng từ đâu đâm tới, nhưng anh phải lách thật nhanh qua phía bên kia để khỏi đụng chiếc xe lam, không dè xe anh ta lại ủi ngay vào hông anh Hưng. Chiếc xe tông anh Hưng mạnh quá, đến nỗi anh bị hất bổng lên không rồi rớt dè ngay trên người tôi giữa lúc xe cộ vẫn qua lại đông đảo. Anh Hưng bị sưng bầm và hai cánh tay bị trầy nặng. Tôi tuy bị một cú hết hồn hết vía, nhưng lại không hề hấn gì.

Chàng thanh niên cũng té nhào xuống đường và trông bức bối ra mặt. Nhưng, tôi đoán, anh ta bỗng nhắc thấy phong cách ăn mặc của anh em tôi nên có vẻ nghi nghi chúng tôi là con nhà giàu có và quyền thế. Anh ta dìu hai anh em tôi vào lề đường trong lúc anh Hưng vẫn còn đau điếng và tức giận. Tôi chỉ về phía nhà chúng tôi và bảo anh ta là chúng tôi cư ngụ ở đó, đồng thời xin anh ta đem anh Hưng về đây. Chàng thanh niên ấy, có lẽ chỉ mới ngoài hai mươi, ẵm anh Hưng lên và bế anh về tận nhà chúng tôi.

Cả má tôi và chị Lêvi hốt hoảng chạy xuống thang lầu đón anh Hưng, trong khi chàng thanh niên đứng cạnh với cặp mắt long lanh niềm ân hận. Mặc dù tai nạn xảy ra không phải là lỗi của anh ta, anh vẫn nơm nớp lo không biết anh sẽ bị đối xử ra sao. Má tôi khám xét anh Hưng thật kỹ và thấy anh tuy bị tím bầm, nhưng không đến nỗi bị thương tích gì đáng kể, ngoại trừ vài chỗ trầy xước ngoài da. Bà gọi anh thanh niên lại, xạt anh ta một trận cho anh biết là phải lái xe cẩn thận ra sao, rồi cho anh ta về. Không bảo hiểm, không cảnh sát, và không ai làm khó dễ gì nhau. Vài ngày sau, anh chàng này lại đến nhà chúng tôi. Anh đến hàng ngày để xem anh Hưng đã khá chưa, đôi khi còn mang cả kẹo đến biếu.

Anh Hưng không sao thật, nhưng tôi biết anh chàng này đến nhà là cốt ý để dò la làm quen với chị Lêvi, chứ chẳng phải để ngó ngàng gì đến anh em tôi. Chỉ tội mỗi cái là anh ta không phải là loại thanh niên mà chị Lêvi muốn giao tiếp. Đó là cách những đôi nhân tình làm quen nhau ở quê hương tôi ngày xưa, nơi đôi khi chỉ vì tránh ô gà, hoặc tình cờ băng qua một con đường đầy nghẹt xe, đều có thể trở thành những manh mối cho những cuộc gặp gỡ bất ngờ.

Ngược lại, những con đường đúc bê tông thành thang ở xứ sở này trông sao vô duyên, trống vắng và cô đơn lạ! Những lời ca trong bản "*Desperado*" của ban nhạc "*Eagles*" như :

*"...Và tự do, ôi tự do, chao ôi, đó chỉ là lời nói suông;
ngục tù chính là sự cô đơn..."*

... bỗng trở nên thấm thía hơn với chúng tôi trên xa lộ về đêm thật thanh vắng này. Nhớ sao cho cùng những tung bồng và sôi nổi của một Sài Gòn đầy bon chen năm nào!

Sáng sớm ra, chúng tôi chạy ngang qua căn cứ Không Quân Eglin. Mới có vài năm mà tưởng như đã lâu lắm rồi, kể từ lúc chúng tôi còn sống tạm ở đây. Từ đó đến nay, tôi cũng không biết đã có những thay đổi gì trong căn cứ này. Tuy đã biết chắc chắn là họ đã dẹp hẳn những lều bạt dành cho người tị nạn năm nào, nhưng tôi vẫn thấy bất mãn ở chỗ là một sự kiện lịch sử như thế lại không được nhắc nhở bằng một bia tưởng niệm, hoặc một nghi thức thường niên nào đó để ghi nhớ. Tôi đoán sự kiện ấy có lẽ là một chương sử đen tối của xứ này nên mọi người chỉ muốn quên khuấy nó đi. Dầu sao nơi ấy vẫn đóng một vai trò quyết định trong cuộc đời tôi và của hàng ngàn người Việt tị nạn khác. Đó chính là ngưỡng cửa đã đưa dắt chúng tôi vào đất Mỹ.

Mặt trời uể oải mọc lên phía sau xe và chúng tôi vẫn tiếp tục cuộc hành trình đi miền tây về Texas. Sau khi dừng lại để đổ xăng và ăn sáng ở ngoại ô thành phố Mobile, Alabama, đến phiên chị Lêvi lái xe. Tôi ngủ gật được một chốc thì thức dậy khi xe chạy vào đến thành phố Baton Rouge, Louisiana. Chúng tôi dừng lại ăn trưa ở một quán nhỏ bên đường, đồng thời cho chiếc Corolla nghỉ máy. Món súp đặc sệt và bánh mì Pháp ở đó rất ngon, nhằm lúc hai chị em tôi đang đói quá nên chúng tôi ngốn sạch cả bữa ăn vào bụng chỉ trong thoáng chốc. Tôi tự nhủ rằng tôi sẽ ghé còn thăm Louisiana trong tương lai hẳn mỗi khi có dịp. Sau cơm trưa, chúng tôi tươi tỉnh hẳn ra và sẵn sàng đi nốt quãng đường còn lại của cuộc hành trình. Đến

phiên tôi lái xe và bắt đầu nghe chị Lêvi tâm sự nỗi nhớ nhung của chị về những người bạn cũ còn ở Việt Nam.

Người bạn thân nhất của chị tên là Thanh. Họ quen nhau từ hồi còn cấp sách đi học với nhau ở trường trung học đệ nhất cấp Thánh Linh, và đã lớn lên với nhau trong cùng môi trường ấy. Chúng tôi vẫn gọi chị ấy là Thanh Đen, vì nước da ngăm đen của chị. Gia đình chị nghèo lắm. Ba chị là một công chức làm việc cho chính phủ miền Nam Việt Nam, trong khi mẹ chị thỉnh thoảng đi làm mướn cho những gia đình giàu có ở Sài Gòn. Đôi mắt chị Thanh Đen lúc nào cũng u buồn nhưng chị lại có nụ cười rất tươi mỗi khi chị mỉm cười. Chị Lêvi và chị Thanh Đen tuy xuất thân từ hai giai cấp giàu nghèo đối nghịch nhau trong xã hội Việt Nam, nhưng họ lại chơi rất thân với nhau. Chị Lêvi vốn học giỏi hơn nên thường hay giúp chị Thanh Đen làm những bài tập đem ở trường đem về. Ngược lại, chị Thanh Đen rất nhạy bén về chuyện tình cảm nên vẫn bày vẽ cho chị Lêvi biết thế nào là tâm lý của bọn con trai. Lúc nào cũng thấy hai chị rộn rã và thân thiết với nhau.

Chị Thanh Đen thường đến thăm và giao du với chị tôi. Cả hai đèo nhau đi chiếc xe Honda của chị Lêvi chạy khắp phố. Sau khi lấy tú tài xong, chị tôi vào thẳng đại học để học năm dự bị y khoa. Chị Thanh Đen kém may mắn hơn. Khóa thi tú tài hai năm ấy, chị đậu điểm thấp hay sao đó mà chị không được nhận vào trường đại học. Cho nên trong khi chị tôi lên đại học thì chị Thanh Đen vẫn thất nghiệp, và chỉ làm lụng lầy lắt đủ thứ việc chỉ để sống qua ngày.

Cứ hễ rảnh rỗi là họ đến thăm nhau. Trước khi gia đình tôi rời Sài Gòn, chị tôi có khuyên chị Thanh Đen nên về bảo cả nhà chuẩn bị tìm đường đi tị nạn, nhưng gia đình chị không muốn hoặc có lẽ không có tiền để làm chuyện ấy. Hôm trước ngày ra đi của gia đình tôi, chị Thanh Đen có đến chào chị tôi, cả hai ôm lấy nhau khóc sụt sùi.

Chị Lêvi cũng lên tiếng rủ chị Thanh Đen cùng đi trốn với gia đình chúng tôi, nhưng chị đã khước từ. Vì thế cả hai chị đều hứa là sẽ giữ liên lạc với nhau, một khi tất cả mọi sự đã ổn định đâu vào đó. Tôi vẫn không thể nào quên được tiếng khóc nã

nề của chị Lêvi trong buổi đưa tiễn thê lương ngày hôm ấy, lúc đưa chị Thanh Đen đi ra cửa. Giờ thì chị Lêvi lại bắt đầu sụt sùi nghẹn ngào khi kể chuyện về những người bạn của chị. Càng nghe chị, lòng tôi càng dâng lên vô vàn niềm thương cảm cho người chị thân yêu. Cũng như hàng bao nhiêu người Việt tị nạn khác, tôi cũng đã từng trải qua cảnh ngộ phải bỏ lại đằng sau vô số bè bạn. Chiến tranh kết thúc thật đột ngột cho nên cảnh bạn bè bị rạn chia tay nhau là chuyện lãng xẹt ít thấy. Rồi cả hai chị em tôi chìm vào trầm tư mặc tưởng cho đến khi xe vào đến Houston.

Ba tôi đã đứng đợi chúng tôi ngay góc đường số 45 và đường Calvacade tự bao giờ. Chúng tôi cho xe chạy bám theo đuôi chiếc Dodge Polara của ông cho đến khi về đến cái apartment chỗ ông đang ở. Trông ba tôi có vẻ mệt mỏi, nhưng ông rất mừng khi thấy chúng tôi đi đến nơi, về đến chốn an toàn. Tuần lễ kế tiếp, ba tôi và hai ông anh huấn luyện cho chúng tôi về những việc mới ở trong tiệm.

Cũng trong vòng tuần ấy, ba tôi kiếm được một căn apartment khác có hai phòng ngủ nằm trên đường 34 Street để chuẩn bị dọn cả nhà về Houston. Đến chủ nhật, ba tôi và anh Hưng phóc lên chiếc Dodge Polara để chạy trực chỉ về lại Charleston.

Ngày 1 tháng 6 năm 1978, cả nhà chúng tôi dọn về căn apartment mới ở Houston, Texas. Vui quá là vui! Gia đình chúng tôi lại đoàn tụ dưới một mái nhà với nhau, dầu tổ ấm mới chỉ là một nhà chung cư quá nhỏ hẹp so với một gia đình gồm mười người. Thật ra, số người trong nhà lúc đông nhất cũng không thể hơn 8 người, chỉ vì trong nhà luôn phải có hai người túc trực ngoài tiệm 7-Eleven, nằm trên đường Calvacade. Ba má tôi và hai đứa nhỏ nhất là Huy Hoàng và Hà ở chung một phòng, phòng kia dành cho ba chị em gái. Ba anh em trai tụi tôi thay phiên nhau ngủ trên chiếc sofa hoặc ngay trên sàn nhà ở phòng khách, khi không phải ra tiệm.

Té ra ba má tôi rất thích sống ở Houston và thích những người bạn mới quen. Cứ mỗi chủ nhật sau thánh lễ, họ đi thăm bạn bè hoặc những người có họ hàng xa gần ở rải rác khắp thành

phố. Và hễ rảnh là cả hai rủ nhau đi chợ Việt Nam nằm trên đường Milam Street, gần downtown Houston, để mua đủ thứ đồ ăn Việt Nam. Ba tôi tiếp tục công việc quản lý thật đặc lực cho những tiệm 7-Eleven mà ông được chủ giao phó. Bốn anh em chúng tôi chúng tôi cũng ra sức phụ lực với ông để may ra ông được giao cho trông coi những tiệm khá hơn. Ông Ali xếp của ba tôi trông hài lòng ra phết với tác phong làm việc của mọi người trong gia đình chúng tôi nên cứ cất nhắc ba tôi sau mỗi quý (3 tháng). Anh Hùng ghi danh học ngành thợ máy tại một trường huấn nghệ để mong được cấp bằng hành nghề. Chị Lêvi và anh Hưng đăng ký vào Đại Học Houston. Chị Lêvi vẫn theo học lớp dự bị y khoa và anh Hưng thì theo ngành Thương nghiệp. Huyền và tôi thì ghi danh nhập học ở trường Trung Học Waltrip nằm ở mạn đông bắc Houston. Ba má tôi cho cả hai đứa Tí và Huy Hoàng học ở một trường tư thục Công Giáo có tên là Trường Ki-tô Vua, ở phía bắc đường Main. Và Hà thì vẫn còn ở nhà với má tôi. Ai cũng cặm cùi học hành và làm việc suốt năm đầu tiên ấy ở Houston. Tiệm 7-Eleven thật là nguồn vui sống của ba tôi và của cả mọi người trong nhà.

Một đêm nọ, tôi nán lại làm việc trễ với ba tôi. Ông vốn thích giao cho tôi làm việc trễ vào cuối phiên, bởi ông biết chắc chắn rằng tôi luôn chất đầy nhóc hàng vào cái tủ lạnh nằm sát cửa ra vào. Bằng nấy đồ thật ra đủ để bán cho khách trong nhiều ngày liền. Chưa hết, tôi còn xếp những hàng hóa nằm ngổn ngang khắp tiệm cho thật ngăn nắp, trút hết đồ ra khỏi thùng chứa và quét dọn cả tiệm sạch sẽ. Tôi thường quét nhà bằng móp khô trước khi dùng móp ướt với nước nóng hai lần, rồi mới phết một lớp sáp mỏng lên mặt sàn nhà. Sở dĩ tôi thành thạo chuyện này là vì trước đây, tôi và Huyền vẫn làm công việc tương tự ở trường St. John từ ngày này qua ngày khác. Đêm hôm ấy, như thường lệ, tôi chất hàng vào tủ lạnh và lau quét sàn nhà trước khi ngồi một tí để nghỉ xả hơi.

Khoảng 2 giờ rưỡi sáng, một gã lạ mặt dáng người thấp lùn với mái tóc màu sẫm tối, trên người phủ kín một chiếc áo mưa, bước vào tiệm. Hắn bước ngang tiệm đến thẳng tủ lạnh để lấy ít bia, nhưng tôi đã khóa tủ ấy từ hồi giữa khuya. Nóng nẩy,

hắn rảo nhanh đến tủ đựng sandwich gần dãy hàng có quầy tính tiền. Tôi chào hắn và tính bắt chuyện với hắn, nhưng hắn không đã không trả lời mà cũng chẳng thèm ngó tôi một cái.

Vài phút sau, hắn bước ra khỏi tiệm, trông có vẻ bực bội. Tôi cứ tưởng là mọi chuyện vẫn bình thường, nên chẳng buồn thức ba tôi, lúc ấy đang ngủ khò trên một chiếc ghế bô đặt sâu bên trong nhà kho. Nửa giờ sau, gã lạ mặt ấy quay lại. Lần này, hắn đi thẳng đến trước mặt tôi ngay quầy tính tiền và đòi lấy tiền. Hắn giở vạt áo hắn ra, chỉ đủ rộng để cho tôi thấy một nòng súng lục hắn đang mang lác lẻo.

Khẩu súng lục 45 tự động run lấy bẫy trên tay hắn. Hắn có vẻ bồn chồn và hốt hoảng, có lẽ không mấy khác với tâm trạng tôi lúc ấy. Tôi bảo hắn bình tĩnh và tôi sẽ vói tay lấy một bao giấy để bỏ tiền vào cho hắn. Hắn đảo mắt liếc nhanh, gật đầu đồng ý trong lúc tôi mở két ra và bỏ hết tiền vào bao giấy. Hắn chụp vói bao giấy trên tay tôi và phóng nhanh ra cửa. Hắn tông một phát thật mạnh vào cánh cửa bên trái. Hắn không biết là cánh cửa ấy lúc nào chúng tôi cũng khóa lại sau nửa đêm và chỉ mở cánh bên phải. Tôi nhìn lên thước đo kẻ dọc theo chiều cao khung cửa thì biết hắn cao khoảng 5 feet 5 inch. Hắn bèn lên cười gượng, mở cánh cửa bên phải ra và biến mất trong đêm tối. Tôi đánh thức ba tôi dậy và ông gọi phen ngay cho cảnh sát để báo cáo sự việc. Không lâu sau vụ cướp cận ấy, ba tôi đã yêu cầu Ali chuyển ông qua một tiệm mới khá hơn chỗ này.

Tháng 7 năm 1979, giấc mộng thường theo lối Mỹ của gia đình tôi, đó là làm chủ một căn nhà của chính mình, đã thành sự thật. Má tôi mua một căn nhà ở mạn tây nam của Houston. Căn nhà nằm trong một khu thuộc giới trung lưu, có bốn phòng ngủ, hai phòng tắm lớn, một nhà bếp, phòng khách, phòng ăn, phòng họp mặt gia đình và một ga-ra chứa được hai xe xây ròi ra. Căn nhà nằm ngay góc đường nên có sân sau rộng lớn. Ai cũng hớn hờ khi dọn vào ở một căn nhà có sức chứa được mười người trong cùng một lúc như nhà này.

Đến giờ ba tôi đã có nhiều uy tín đến nỗi ông có quyền chọn bất kỳ một cửa tiệm 7-Eleven nào mà ông ưng quản lý. Thế nên, ông chọn ngay một tiệm nằm cách nhà chúng tôi chỉ khoảng năm cây số. Rồi Huyền và tôi chuyển qua trường Trung Học Đệ Nhị Cấp Sharpstown, cũng ở khá gần nhà. Tí, lúc đó đã học hết chương trình tiểu học ở Trường Ki-tô Vua với hạng danh dự, nay cũng được vào học ở một trường tư thục Công Giáo khác tên là St. Francis De Sale với Huy Hoàng và Hà.

Những ngày có lớp dạy ở trường, anh Hùng, anh Hưng và chị Lêvi làm việc mỗi khi có giờ rảnh chiếu theo lịch trình học tập của trường họ đang học. Còn tôi thì mỗi ngày sau khi tan trường, tôi làm phiên thứ nhì trong ngày, và ba tôi thì làm phiên ban đêm. Mỗi cuối tuần, tôi làm một ca ban đêm và các anh tôi lãnh những ca đêm còn lại. Công việc tuy có dài giờ, nhưng có mấy ai kiếm tiền rủng rỉnh như gia đình tôi, giữa con khủng hoảng kinh tế đang dần vạt nước Mỹ thời đó.

Houston quả là nơi đất lành chim đậu cho gia đình chúng tôi. Sự hiện hữu của một cộng đồng người Việt đông đảo ở đây, có nghĩa là có đủ loại chợ búa, nhà hàng, cửa hiệu và dịch vụ để mà lựa chọn. Nói cho sâu xa hơn là vì các thương vụ phải cạnh tranh nhau nên hàng bán ra tốt hơn, từ thức ăn cho đến đồ tạp hóa, dịch vụ hành chánh, nhà thờ, và nhiều cơ hội làm ăn hơn. Lại cũng có nghĩa là lớp trẻ Việt Nam thế hệ mới lớn sẽ có cơ hội gặp gỡ và giao du với nhau.

Chị Lêvi tôi đã gặp và phải lòng một anh sinh viên Việt Nam đang theo học tại Đại Học Houston. Anh tên là Nguyễn Sơn. Anh cũng xuất thân từ một gia đình biết chịu khó làm ăn, hiện đang sinh sống ở một thị trấn nhỏ nằm cách Houston độ tám chục cây số về phía đông nam. Đó là thị trấn Lake Jackson, còn được gọi là quê hương của đại công ty Hóa phẩm Dow USA.

Anh Sơn là anh cả trong một gia đình có đông con. Ba má anh cũng đến Mỹ định cư khoảng cùng thời gian với gia đình tôi. Người đứng đơn bảo lãnh họ lúc ấy đang ở Lake Jackson, cho

nên gia đình anh dọn về lập cư ở đây. Cũng như gia đình chúng tôi, gia đình anh ta cũng tàn tảo làm lụng rồi gom tất cả tiền kiếm được và để dành chung. Họ mua lại một cơ sở của nhà hàng Dennys' và biến nó thành nhà hàng Tàu-Việt duy nhất và rất đặc khách trong thị trấn ấy. Anh Sơn đi học để ra kỹ sư hóa chất ở Đại học Houston, và cũng chính nơi ấy, anh đã gặp chị Lêvi. Hai người xem rất xứng đôi vừa lứa và ai trong gia đình tôi cũng thích anh Sơn.

Anh Hưng cũng học ở Đại học Houston. Anh trông bảnh trai, sắc sảo và rất dễ hòa đồng với mọi người. Anh làm trong ban điều hành của Hiệp Hội Sinh Viên Việt- Mỹ cũng nằm trong khuôn khổ của trường Đại học, và các nàng sinh viên Việt Nam mê anh lắm. Anh Hưng học ngành Quản trị Thương Nghiệp và mong một ngày nào đó sẽ điều hành một công ty do chính anh sáng lập.

Anh Hùng hoàn tất chương trình đào tạo nghề thợ máy xe vào năm 1979 và được một chi nhánh Toyota thuê dụng. Anh là một thợ máy cừ khôi và rất yêu nghề. Huyền và tôi theo học cho đến hết chương trình trung học ở trường Sharpstown và tốt nghiệp hạng nhất trong ngày lễ mãn khóa. Học hành xong xuôi, anh em tôi lại chúm đầu vào làm việc cho tiệm 7-Eleven của ba tôi. Dù chẳng ai có thì giờ đi dự tiệc mãn khóa, đi nhảy hoặc tham dự những sinh hoạt của nhà trường, nhưng chúng tôi đều cảm thấy thỏa nguyện khi dùng chính tay mình để góp phần cho sự an vui và thăng tiến cho gia đình.



Trên đây là Giấy chứng nhận ba tôi đã học xong khóa quản trị viên của tiệm 7-Eleven

The Forgotten Generation